

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày 31 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tiến Dũng

Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐST-DS ngày 01/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-DS ngày 23/8/2022 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 05/2022/TB-TA ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn D, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư Văn phòng luật sư H; địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc G. Có mặt

- Bị đơn:

1. Anh Phùng Văn D1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Chị Đặng Hồng G, sinh năm 1986. Địa chỉ: Đường B, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Phùng Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Luận Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Chị Lương Huyền T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Chị Phùng Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Anh Phùng Văn D2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: Đường B, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Chị Giáp Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phùng Văn D trình bày:

Do cần tiền vay vốn làm ăn kinh doanh cửa hàng lẩu nướng nên từ năm 2019 đến năm 2021, vợ chồng anh D1, chị G là con trai và con dâu ông đã khoảng 3-4 lần nhờ vợ chồng ông thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng ra vay tiền cho anh, chị có vốn làm ăn. Khoảng tháng 3/2021, vợ chồng anh D1, chị G có sang nhà ông nói chuyện với vợ chồng ông nhờ vợ chồng ông sang tên thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 ở tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cho vợ chồng anh, chị mượn để vay vốn ngân hàng cho thuận tiện do tuổi ông bà đã cao đi lại khó khăn. Nhưng khi làm thủ tục sang tên thửa đất 254 thì chị G lại lừa vợ chồng ông sang tên thửa đất số 284 tờ bản đồ số 10, toàn bộ thủ tục tặng cho đã được thực hiện tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 04/3/2021, sau đó anh D1 chị G có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 284 tờ bản đồ số 10 để vay ngân hàng H số tiền 1.000.000.000đồng. Đến khoảng tháng 01/2022, khi chị G đăng Facebook bán đất ông mới phát hiện chị G lừa vợ chồng ông sang tên thửa đất số 284 tờ bản đồ số 10. Ông có gọi vợ chồng anh D1, chị G sang nói chuyện về việc đất đai này thì chị G có nói là nhầm lẫn là do bên địa chính làm thủ tục nhầm. Anh D1, chị G có nói là làm ăn thua lỗ nên không trụ được nữa nên xin bố mẹ cho vợ chồng anh D1 chị G mượn thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 bán đi để lấy tiền trả nợ ngân hàng, sau khi trả nợ xong vợ chồng anh chị sẽ sang tên trả vợ chồng ông thửa đất số 284 tờ bản đồ số 10. Do được sự đồng ý của vợ chồng ông, anh D1, chị G đã đứng ra bán thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 của

vợ chồng ông cho anh Luận Văn L là cháu họ ông ở tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn được 3.000.000.000đồng. Toàn bộ số tiền bán đất cho anh Luận Văn L vợ chồng ông không được cầm đồng nào, đều để cho anh D1 chị G cầm thẳng đi trả nợ do việc kinh doanh của anh chị bị thua lỗ, tiền lãi suất Ngân hàng ngày một nhiều, không có khả năng chi trả.

Đối với 03 hợp đồng vay tài sản là tiền do ông cung cấp chính là thể hiện cho việc mỗi lần anh Luận Văn L trả tiền mua đất cho anh D1, chị G là ông lại gọi anh D1 đến ký vào hợp đồng vay tiền và gọi con gái ông là Phùng Thị N ký làm chứng, ngoài ra không còn ai làm chứng. Do là hợp đồng trong gia đình nên ông không công chứng hay chứng thực; việc cho anh D1, chị G vay tiền là cả vợ chồng ông cho vay nhưng chỉ có ông đại diện ký tên trong ba hợp đồng vay tiền. Khi ông gọi anh D1 đến ký hợp đồng anh D1 có bảo anh là trụ cột gia đình nên đại diện cho gia đình ký hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông là được.

Anh L đã trả tiền cho anh D1, chị G thành 3 lần: Lần thứ nhất ngày 14/02/2022, anh L cọc số tiền mua thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 là 1.100.000.000đồng, vợ chồng anh D1 mang đi trả nợ ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để ký hợp đồng mua bán đất với vợ chồng anh L. Lần thứ hai ngày 22/02/2022, anh L tiếp tục trả 900.000.000 đồng, anh L chuyển vào tài khoản ngân hàng của chị G 150.000.000đồng và trả số tiền mặt 750.000.000đồng cho anh D1, vợ chồng anh D1 đã mang đi trả nợ hết. Lần thứ ba, ngày 08/3/2022, anh L trả số tiền còn lại 1.000.000.000đồng chuyển vào số tài khoản ngân hàng của anh D1 mở tại ngân hàng H, sau đó anh D1 đã đến ngân hàng thanh toán số tiền nợ ngân hàng 1.000.000.000đồng rồi lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 284 tờ bản đồ số 10. Sau khi trả nợ xong, anh D1 có bảo chị G hôm sau đi sang tên trả vợ chồng ông thửa đất số 284 thì chị G bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị G nên chị G giữ nếu anh D1 sang tên trả vợ chồng ông thì hai người ly hôn rồi chị G đem con về nhà ngoại ở rồi sau đó nộp đơn ly hôn đến tòa án yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và thửa đất số 284 tờ bản đồ số 10.

Nay ông yêu cầu anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G có trách nhiệm liên đới trả cho ông tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng, theo 03 Hợp đồng vay tài sản (tiền) vào các ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022 và ngày 08/03/2022, do ông là người đứng ra làm hợp đồng cho vay tiền. Ông không yêu cầu anh, chị phải trả tiền lãi. Đối với 02 thửa đất số 254, 284 tờ bản đồ số 10 đều ở tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ông không có yêu cầu giải quyết vì đất đã tặng cho anh D1, chị G và đã chuyển nhượng cho anh Luận Văn L theo quy định.

Tại phiên tòa, ông Phùng Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông số tiền 3.000.000.000 đồng anh, chị đã vay ông để trả nợ ngân hàng và các khoản vay khác theo 03 hợp đồng vay tài sản (tiền) vào các ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022, ngày 08/3/2022. Mặc dù, 03 hợp đồng này không phải ông trực tiếp đưa tiền cho anh D1, chị G nhưng là tiền anh D1, chị G đã mượn thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn của vợ chồng ông để bán

cho anh Luận Văn L, không phải đất của anh, chị nên anh chị phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông số tiền là 3.000.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Phùng Văn D1 trình bày:

Thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 ở tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn là đất của bố mẹ anh, bố mẹ anh đã cho vợ chồng anh mượn đất để bán lấy tiền trả nợ ngân hàng. Sau khi được bố, mẹ cho mượn đất, vợ chồng anh đã bán đất cho em họ là Luận Văn L với giá là 3.000.000.000 đồng. Số tiền bán được đất anh L đã thanh toán cho anh và chị G tất cả 03 lần, khi thanh toán cả anh và anh L đều không làm giấy tờ gì với nhau.

Lần giao tiền ngày 14/02/2022 anh L thanh toán cho anh và chị G số tiền 1.100.000.000 đồng, vợ chồng anh L đã trực tiếp mang tiền đến nhà anh, chị G là người nhận và kiểm tiền. Sau khi nhận đủ số tiền anh đã cùng bố mẹ về nhà lập Hợp đồng vay tài sản ngày 14/02/2022 có chị gái anh là Phùng Thị N làm chứng việc này. Khoản vay này để phục vụ cho việc kinh doanh của vợ chồng anh, anh là trụ cột gia đình nên anh đứng ra vay, bố anh nói thấy việc kinh doanh của vợ chồng anh thua lỗ nhiều không đảm bảo nên phải làm hợp đồng này để lưu lại. Ngoài chị gái anh là Phùng Thị N làm chứng thì không còn ai khác chứng kiến việc này.

Ngày 22/02/2022, vợ chồng anh Luận Văn L trả tiền mua đất cho vợ chồng anh số tiền 900.000.000 đồng. Anh Luận Văn L đến trực tiếp nhà anh giao tiền mặt là 750.000.000 đồng cho anh, ngày hôm đấy vợ anh không có mặt ở nhà và anh L đã chuyển tiền trực tiếp vào số tài khoản cá nhân của chị G 150.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này anh đã dùng để trả nợ các khoản vay của cả hai vợ chồng vay mượn làm ăn kinh doanh. Cùng ngày, anh và bố mẹ anh đã lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 900.000.000 đồng.

Ngày 08/3/2022, anh Luận Văn L chuyển vào số tài khoản B cá nhân của anh số tiền 1.000.000.000 đồng. Khoản vay này là vợ chồng anh nhờ bố mẹ sang tên thửa đất 284 tờ bản đồ số 10 cho vợ chồng anh mượn để đi vay ngân hàng cho thuận tiện; vợ chồng anh đã vay ngân hàng H số tiền 1.000.000.000 đồng để kinh doanh (theo Đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ ngày 10/3/2021). Ngày 09/3/2022, sau khi tất toán xong tiền cho ngân hàng chị G là người lên ký nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang về. Cùng ngày nhận tiền của anh L, anh và bố mẹ anh có ký hợp đồng vay tài sản số tiền 1.000.000.000 đồng.

Những lần anh L giao, chuyển tiền cho anh đều vào buổi sáng, đến buổi chiều cùng ngày thì anh đã đến nhà bố mẹ anh là ông D, bà N để ký vào hợp đồng vay tài sản là tiền với ông D.

Sau khi bán thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 của bố mẹ anh để lấy tiền trả nợ, vợ chồng anh có hứa sang tên lại thửa đất số 284 tờ bản đồ số 10 để trả ông bà; nhưng sau đó chị G lại thay đổi ý kiến không sang tên lại cho ông bà và bảo nếu mà sang tên thửa đất trả bố mẹ anh thì vợ chồng gặp nhau ở Tòa án, rồi chị G thu dọn quần áo đưa con về nhà ngoại ở; được mấy ngày sau thì chị G nộp đơn lên tòa

án yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng và không đồng ý trả nợ cho bố mẹ anh khoản nợ bán đất 3.000.000.000 đồng vì cho rằng không liên quan đến việc vay tiền này. Anh không đồng ý với việc chị G không có trách nhiệm với khoản nợ chung này của vợ chồng vì vợ chồng cùng nhau kinh doanh, làm ăn thì phải có trách nhiệm với việc mình làm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn D, anh hoàn toàn nhất trí. Đây là khoản vay chung của vợ chồng anh để làm vốn làm ăn, kinh doanh. Anh đồng ý trả số tiền đã vay theo 03 hợp đồng vay tài sản do ông Phùng Văn D cung cấp và chị Đặng Hồng G cùng phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ trên.

Tại phiên tòa, anh D1 trình bày, việc ký ba hợp đồng vay tiền với ông D anh không nói cho chị G biết mà do một mình anh thực hiện và vẫn giữ nguyên ý kiến anh và chị G vay của bố mẹ anh số tiền 3.000.000.000 đồng là tiền bán thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 của ông D và bà N. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn D, anh và chị G sẽ phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông D số tiền là 3.000.000.000 đồng đã vay theo 03 hợp đồng ký vào các ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022, ngày 08/3/2022.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Đặng Hồng G trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn D yêu cầu chị và anh Phùng Văn D1 trả tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, theo 03 Hợp đồng vay tài sản (tiền) vào các ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022 và ngày 08/03/2022 chị không đồng ý. Chị không được ký và không được biết về 03 hợp đồng vay tiền, việc anh D1 vay mượn tiền bố mẹ cũng không bàn bạc gì với chị. Chị được biết người làm chứng trong các hợp đồng vay tài sản này là chị Phùng Thị N là chị gái của chồng chị ngoài ra không còn người khác nên không đảm bảo khách quan. Việc anh D1 vay tiền ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N đến ngày 20/4/2022 khi chị nhận được đơn khởi kiện của ông D gửi qua đường bưu điện chị mới biết việc ông Phùng Văn D khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chị trả nợ, còn hợp đồng cụ thể ra sao thì chị chưa được thấy bao giờ.

Gia đình anh D1 cho rằng khi bắt đầu việc kinh doanh cửa hàng lẩu nướng vợ chồng chị không có tiền là không đúng. Tiền vốn kinh doanh cửa hàng lẩu ban đầu vợ chồng có khoảng 400.000.000 đồng, năm 2019 vợ chồng vay thêm ngân hàng H 800.000.000 đồng, nhưng rút ra 600.000.000 đồng. Trong quá trình kinh doanh đến năm 2020, chị đã thanh toán hết khoản nợ này bằng tiền kinh doanh cửa hàng kiếm được. Việc ông Phùng Văn D, Nguyễn Thị N, và anh Phùng D1 cho rằng việc vay tiền là cho mục đích kinh doanh của nhà hàng là không đúng vì từ 10/12/2019 cho đến 08/02/2022 việc kinh doanh nhà hàng không thua lỗ, tổng doanh thu của quán là 2.054.376.000 đồng, đảm bảo đủ thanh toán các khoản nợ; anh D1 cho rằng do dịch bệnh nên cửa hàng bị phá sản là không đúng; cửa hàng đóng cửa và thanh lý toàn bộ đồ đạc là do anh D1 đòi bán đất để trả nợ cho việc anh D1 chơi lan đột biến bị vỡ nợ.

Đối yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn D chị không đồng ý vì đây là khoản nợ của cá nhân anh Phùng Văn D1 dùng cho mục đích riêng, chị không được biết 03 Hợp đồng vay ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022 và ngày 08/3/2022 nên chị không có trách nhiệm phải thanh toán nợ cho ông Phùng Văn D.

Ông D, anh D1, bà N cho rằng 03 hợp đồng là thể hiện việc ông bà phải cho vợ chồng chị mượn đất bán đi lấy tiền trả nợ chị không biết nội dung giữa anh D1 thỏa thuận với ông D, bà N như thế nào. Chị có lần đi chợ về, thấy vợ chồng anh L đến nhà chơi, chị không biết có việc giao tiền hay không giữa anh D1 và anh L, đến chiều anh D1 có rủ chị đi cùng đến ngân hàng, chị có đi cùng nhưng các giao dịch anh D1 đều tự làm hết. Có một lần chị thấy tài khoản của chị nhận được 150.000.000 đồng, sau đó chị đã rút ra trả cho anh D1, không giữ đồng nào. Đến khoảng ngày 10/3/2022 anh D1 bảo chị đến Ngân hàng để làm thủ tục thanh toán cho Ngân hàng, chị đã ra Ngân hàng thanh toán cùng anh D1 và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng chị về. Các khoản vay Ngân hàng chị đều phải đứng ra cùng ký với anh D1 vì như vậy Ngân hàng mới cho vay nhưng chị không biết nội dung cụ thể anh D1 vay tiền để làm gì.

Tại phiên tòa, chị G vẫn giữ nguyên phần trình bày của mình, chị không đồng ý với yêu cầu của ông Phùng Văn D buộc chị phải có trách nhiệm liên đới cùng với anh Phùng Văn D1 trả số tiền nợ là 3.000.000.000 đồng theo 03 hợp đồng vay tài sản là tiền các ngày 14/02/2022, 22/02/2022, 08/3/2022 vì chị không được biết, không ký kết và không có liên quan gì. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà nhất trí với ý kiến của chồng bà là ông Phùng Văn D yêu cầu anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G có trách nhiệm liên đới trả cho chồng bà ông Phùng Văn D tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, theo 03 Hợp đồng vay tài sản (tiền) vào các ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022 và ngày 08/03/2022. Tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng bà, tuy nhiên khi làm hợp đồng chỉ có một mình chồng bà đứng ra làm hợp đồng, khi ký hợp đồng có anh D1 ký là người vay, không có chị G.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên ý kiến, nhất trí với toàn bộ yêu cầu của ông D, đề nghị anh D1, chị G phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông D số tiền 3.000.000.000 đồng.

Người làm chứng chị Phùng Thị N trình bày:

Chị là con gái của ông Phùng Văn D, chị gái của anh Phùng Văn D1. Vợ chồng anh D1, chị G có vay mượn Ngân hàng để kinh doanh nhà hàng lẩu, lan đột biến nhưng sau đó làm ăn thua lỗ, vỡ nợ nên vợ chồng em trai sang nói chuyện với bố mẹ chị xin bán thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 để lấy tiền trả nợ, sau khi trả nợ xong vợ chồng em trai chị sẽ sang tên thửa đất nhà số 284 tờ bản đồ số 10 trả bố mẹ chị.

Thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 bán cho vợ chồng anh Luận Văn L là cháu họ

của bố mẹ chị được 3.000.000.000 đồng. Anh L trả tiền thành ba lần; lần một là ngày 14/02/2022 anh L trả trực tiếp cho vợ chồng anh D1 số tiền 1.100.000.000 đồng; lần hai ngày 22/02/2022 anh L trả trực tiếp cho vợ chồng anh D1 750.000.0000 đồng tiền mặt và 150.000.000 đồng chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng cá nhân của em dâu chị là Đặng Hồng G và lần 3 ngày 08/03/2022 anh L trả trực tiếp cho vợ chồng anh D1 chị số tiền 1.000.000.000 đồng, toàn bộ số tiền bán đất vợ chồng em trai chị đều mang đi trả nợ hết. Mỗi lần anh L giao tiền cho anh D1, chị G xong, bố chị ông Phùng Văn D đều gọi anh D1 lên nhà để làm Hợp đồng vay tài sản (tiền); bố mẹ chị có tính cẩn thận vẫn yêu cầu phải làm giấy vay và có gọi chị sang ký người làm chứng cho việc này, nên chị đều được ký người làm chứng vào 03 hợp đồng vay tài sản tiền để chứng kiến việc bố mẹ chị cho vợ chồng anh D1 mượn tiền; khi ký hợp đồng chỉ có anh D1 tham gia ký hợp đồng vay, chị G không có mặt.

Tại phiên tòa, chị Phùng Thị N khẳng định chị có được chứng kiến việc ký kết hợp đồng giữa bố chị và anh D1. Hợp đồng được ký kết sau mỗi lần anh D1, chị G nhận được tiền mua đất từ anh Luận Văn L, toàn bộ mẫu hợp đồng do bố chị ông D bảo chị đi nhờ đánh máy hộ, còn một số nội dung để trống chị tự điền vào sau. Sau đó, chị lại trình bày hợp đồng do bố chị nhờ chị xuống Văn phòng Luật sư để nhờ luật sư tư vấn và soạn sẵn cho. Ngoài chứng kiến việc ký kết hợp đồng, chị có được biết việc vợ chồng anh D1 kinh doanh thua lỗ nên phải mượn đất của bố mẹ bán đi lấy tiền trả nợ Ngân hàng. Còn những sự việc khác như thế nào chị không được biết.

Người làm chứng anh Luận Văn L trình bày:

Anh là cháu họ của ông Phùng Văn D và là em họ của anh Phùng Văn D1. Anh được biết vợ chồng ông Phùng Văn D có ý định bán đất để trả nợ cho vợ chồng anh Phùng Văn D1, chị Đặng Hồng G nên anh đã bàn bạc với gia đình và quyết định mua thửa đất của gia đình bác anh. Sau khi trao đổi với vợ chồng ông D, hai bên thống nhất giá đất là 3.000.000.000 đồng. Anh đã trả tiền mua đất làm 03 lần cho vợ chồng anh D1.

Lần một là ngày 14/02/2022, anh mang tiền ra nhà anh D1 trả trực tiếp cho vợ chồng anh D1 số tiền cọc 1.100.000.000 đồng, chị Đặng Hồng G là người trực tiếp kiểm đến tiền rồi vợ chồng anh D1, G mang luôn số tiền trên ra ngân hàng trả để lấy sổ đỏ thửa đất 254 về cho anh để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn anh chờ ở nhà anh D1, nhưng ra ngân hàng trả nợ xong nhân viên ngân hàng báo chưa lấy được sổ đỏ ngay nên anh đi về, lấy sổ đỏ sau.

Lần hai ngày 22/02/2022, anh mang tiền ra nhà anh D1 trả trực tiếp cho anh D1 số tiền 750.000.0000 đồng tiền mặt và 150.000.000 đồng anh chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng cá nhân của chị Đặng Hồng G.

Lần ba ngày 08/03/2022 anh trả vợ chồng anh D1, chị G số tiền 1.000.000.000 đồng. Anh vay ngân hàng L huyện H 1.000.000.000 đồng và chuyển trực tiếp số tiền đã vay sang tài khoản ngân hàng của anh D1 tại ngân hàng H để anh D1 trả khoản vay của ngân hàng.

Tất cả những lần anh trả tiền mua đất trên anh đều làm việc với cả anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G. Cả ba lần giao tiền anh đều không lập thành văn bản với anh D1, chị G vì là người nhà nên tin tưởng nhau, ngoài ra cũng không ai chứng kiến việc này.

Tại phiên tòa, anh Luận Văn L khẳng định có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh với vợ chồng ông D, bà N với giá 3.000.000.000 đồng, toàn bộ các lần giao tiền anh đều giao cho vợ chồng anh D1, chị G là con trai và con dâu ông D, bà N, khi giao tiền với vợ chồng anh D1, anh không lập bất kỳ giấy tờ gì. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định, hiện nay anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại thửa 254 tờ bản đồ số 10 tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và kê khai để đi nộp thuế anh không nhớ có ghi giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay không và giá như thế nào.

Người làm chứng chị Lương Huyền T trình bày:

Chị là em dâu của anh Phùng Văn D1; chồng chị Phùng Văn D2 là em trai ruột của anh Phùng Văn D1. Vợ chồng anh D1, chị G có hỏi vay vợ chồng chị số tiền 20.000.000 đồng để trả lãi ngân hàng. Nên ngày 09/01/2022, chị có chuyển tiền qua ứng dụng ngân hàng trên điện thoại số tiền 20.000.000 đồng vào số tài khoản tên Nguyễn Thị N, sau chị hỏi mới biết do mẹ chồng chị đứng ra vay tiền cho anh D1, chị G nên phải mở một tài khoản ngân hàng đứng tên bà Nguyễn Thị N để hàng tháng nộp lãi vào tài khoản cho ngân hàng (chứng từ giao dịch anh Phùng Văn D đã cung cấp cho Tòa án). Khoản vay này, chị đã được vợ chồng anh D1, chị G trả rồi, chị không nhớ cụ thể thời gian chỉ nhớ là sau khi bán đất được 2-3 ngày thì anh D1, chị G mang tiền xuống trả vợ chồng chị. Ngoài ra chị không có ý kiến gì thêm.

Người làm chứng Phùng Thị T trình bày:

Chị là con gái của ông Phùng Văn D, em gái anh D1, khoảng tháng 3/2021 anh D1 có gọi điện thoại cho chị hỏi xoay giúp anh 100.000.000 đồng để vợ chồng anh đầu tư vào lan đột biến, chị đã xoay được 100.000.000 đồng cầm lên nhà cho anh Phùng Văn D1, khi đó chị G không có nhà, anh D1 là người cầm tiền. Khoảng tháng 5/2021, chị đang xây nhà lên cần tiền, chị đã gọi điện thoại để bảo vợ chồng anh D1 trả tiền, chị G đã chuyển khoản thẳng vào tài khoản của chị số tiền 30.000.000 đồng, đến tháng 6/2021 chị G trả cho chị 20.000.000 đồng tiền mặt. Đến khoảng tháng 02/2022, anh D1 gọi chị lên nhà anh để trả 53.000.000 đồng cho chị, anh có đưa thêm 3.000.000 đồng là để trả lãi lúc chị vay mượn tiền giúp anh. Nguồn gốc số tiền anh D1 trả chị là do bố mẹ chị bán đất được 3.000.000.000 đồng cho anh chị.

Người làm chứng anh Phùng Văn D2 trình bày:

Khoảng tháng 01/2021, vợ chồng anh D1 có hỏi vay vợ chồng anh tiền để đóng lãi, vợ chồng anh đồng ý cho vay chị số tiền 20.000.000 đồng để trả lãi ngân hàng. Nên vợ anh chị T có chuyển tiền qua ứng dụng ngân hàng trên điện thoại số tiền 20.000.000 đồng vào số tài khoản tên Nguyễn Thị N, sau vợ anh hỏi mới biết

do mẹ anh đứng ra vay tiền cho anh D1, chị G nên phải mở một tài khoản ngân hàng đứng tên bà Nguyễn Thị N số tài khoản chị G đưa để hàng tháng nộp lãi vào tài khoản cho ngân hàng (sau này anh mới biết do bố mẹ anh đứng ra vay tiền hộ anh D1, chị G nên đã phải mở tài khoản ngân hàng). Khoản vay này, vợ chồng anh đã được vợ chồng anh D1, chị G trả vào khoảng cuối tháng 02/2022. Nguồn gốc số tiền anh D1 trả anh là do bố mẹ anh bán đất với giá 3.000.000.000 đồng, vợ chồng anh D1 làm ăn thua lỗ nên mượn bố mẹ để trả nợ, trong đó có trả cho vợ chồng anh.

Người làm chứng bà Vũ Thị L trình bày:

Bà có cho anh Phùng Văn D1 vay số tiền 240.000.000 đồng để anh D1 đầu tư lan đột biến, bà không có tiền nên chỉ đi vay hộ. Ngày 25/6/2021 bà có đến nhà anh D1 đưa tiền cho anh D1, con gái bà không có nhà. Đến tháng 02/2022 anh D1 đã trả tiền cho bà, con gái bà chị G đến đưa trả cho bà, bà hỏi tiền ở đâu mà có trả, con gái bà bảo không biết. Ngoài ra, bà không còn trình bày gì thêm.

Người làm chứng chị Giáp Thị H trình bày:

Biết vợ chồng ông D có ý định bán đất để trả nợ cho vợ chồng anh D1, chị G nên vợ chồng chị đã bàn bạc với nhau và mua thửa đất số 254, tờ bản đồ số 10 của vợ chồng ông D. Trong quá trình mua bán anh L là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận mua bán với vợ chồng ông D, bà N và thống nhất trị giá là 3.000.000.000 đồng.

Vợ chồng chị trả tiền mua đất làm 03 lần. Có lần một là ngày 14/02/2022, chị cùng anh L mang tiền đến trả trực tiếp cho vợ chồng anh D1, chị G số tiền 1.100.000.000 đồng, chị Đặng Hồng G là người trực tiếp kiểm đếm tiền; sau đó, vợ chồng anh D1, chị G mang tiền đi trả Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 254 về cho vợ chồng chị để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vợ chồng chị chờ ở nhà anh D1, tuy nhiên trả nợ ngân hàng xong nhân viên ngân hàng báo chưa lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay nên vợ chồng chị đi về trước. Những nội dung khác chị có cùng ý kiến với anh Luận Văn L.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. CN Lạng Sơn, phòng GD H. Kết quả: Anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G có vay vốn tại Ngân hàng các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 12923/19/MB/HĐTD ngày 07/11/2019, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Phùng Văn D, ngày 01/3/2021 chị Đặng Hồng G đã tắt toán khoản vay.

- Hợp đồng tín dụng số: 18136/MB/HĐTD ngày 06/8/2021, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G. Ngày 10/3/2022, chị Đặng Hồng G tắt toán khoản vay.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 4154/21MB/HĐTD ngày 09/3/2021 chủ khoản vay anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G, vay vốn mục đích để sản xuất kinh doanh, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phùng

Văn D1 và chị Đặng Hồng G. Anh D1 và chị G cùng tất toán khoản vay và nhận lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/3/2022.

Đối với ông Phùng Văn D và bà Nguyễn Thị N là Hợp đồng tín dụng số: 18136/MB/HĐTD ngày 06/8/2021, chủ khoản vay bà Nguyễn Thị N và ông Phùng Văn D, mục đích vay vốn để sản xuất kinh doanh, tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N, chị Đặng Hồng G là người tất toán khoản vay ngày 01/3/2022, bà Nguyễn Thị N là người nhận lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ông Phùng Văn D có cho anh Phùng Văn D1, chị Đặng Hồng G vay số tiền 3.000.000.000 đồng để vợ chồng anh chị trả các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Việc chị G cho rằng mình không biết, không có liên quan là không có căn cứ, toàn bộ các khoản nợ trước đó của anh chị đều được thanh toán nhờ vào số tiền 3.000.000.000 đồng anh chị vay ông D mà có. Để có được số tiền 3.000.000.000 đồng, ông D đã phải bán đi thửa số 254 tờ bản đồ số 10 của vợ chồng ông cho cháu họ là anh Luận Văn L. Việc anh L chuyển tiền thanh toán cho anh D1, chị G đã được thể hiện rõ bằng các lần anh D1, chị G có tiền để đi trả nợ cho Ngân hàng và những người khác. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn D, buộc anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông D số tiền 3.000.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cung cấp: Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N và anh Luận Văn L, chị Giáp Thị H và khẳng định việc chuyển nhượng giữa hai bên đã đảm bảo theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Chi cục Thuế khu vực I cung cấp: Hồ sơ các thủ tục nộp thuế đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất tại thửa 254 tờ bản đồ số 10 tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giữa ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N với anh Luận Văn L và chị Giáp Thị H, do anh L là người thực hiện thủ tục nộp thuế. Giá trị chuyển nhượng đất và các tài sản trên đất là 250.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 117, 124, 401 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn D về việc yêu cầu anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ là 3.000.000.000 đồng theo 03 Hợp đồng vay tài sản (tiền) vào các ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022 và ngày 08/03/2022.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa những người làm chứng chị Phùng Thị T, bà Vũ Thị L, chị Giáp Thị H vắng mặt, đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Phùng Văn D khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn anh Phùng Văn D1 có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về nội dung: Ông Phùng Văn D khởi kiện yêu cầu anh Phùng Văn D1, chị Đặng Hồng G trả lại ông số tiền 3.000.000.000 đồng theo ba hợp đồng vay tài sản ngày 14/02/2022 vay số tiền 1.100.000.000 đồng, ngày 22/02/2022 vay số tiền 900.000.000 đồng, ngày 08/3/2022 vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

[4] Về nguồn gốc số tiền 3.000.000.000 đồng cho vay: Ông D trình bày số tiền có được do vợ chồng ông phải bán diện tích đất tại thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cho cháu họ là Luận Văn L với giá trị chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền anh L trả để mua đất đều chuyển trực tiếp cho vợ chồng anh D1, chị G, ông và bà N không được cầm tiền.

[5] Diện tích đất tại thửa 254 tờ bản đồ số 10 thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Phùng Văn D đến ngày 21/02/2021 ông D, bà N đã thực hiện chuyển nhượng cho anh Luận Văn L. Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 254, ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N và anh Phùng Văn D1 trình bày thống nhất nội dung người đứng ra bán thửa đất số 254, tờ bản đồ số 10 cho vợ chồng anh L là vợ chồng anh D1 và chị G nhưng chị G khẳng định không biết gì về việc bán đất trên. Anh Luận Văn L và vợ là chị Giáp Thị H trình bày anh chị được nhận chuyển nhượng thửa đất số 254 của ông D, bà N, không phải với anh D1 và chị G. Căn cứ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N và anh Luận Văn L, chị Giáp Thị H do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H cung cấp, thể hiện ngày 21/02/2022, tại Ủy ban nhân dân xã S, ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất đối với thửa đất số 254, tờ bản đồ số 10, diện tích 200m² có địa chỉ tại thôn A, xã S, huyện H cho anh Luận Văn L và chị Giáp Thị H. Như vậy, ông D và bà N là người trực tiếp thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa số 254, tờ bản đồ số 10 cho vợ chồng anh Luận Văn L,

không phải anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G đứng ra thực hiện các thủ tục chuyên nhượng.

[6] Về nội dung hợp đồng vay tài sản ngày 14/02/2022 thể hiện bên cho vay ông Phùng Văn D, bên vay anh Phùng Văn D1 và vợ chị Đặng Hồng G, số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ Ngân hàng, ký bên cho vay ông Phùng Văn D, bên vay anh Phùng Văn D1, người làm chứng chị Phùng Thị N.

[7] Tại hợp đồng vay tiền ngày 22/02/2022 thể hiện bên cho vay ông Phùng Văn D, bên vay anh Phùng Văn D1 và vợ chị Đặng Hồng G, số tiền vay là 900.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ cho nhiều người khác, ký bên cho vay ông Phùng Văn D, bên vay anh Phùng Văn D1, người làm chứng chị Phùng Thị N.

[8] Tại hợp đồng vay tiền ngày 08/3/2022 thể hiện bên cho vay ông Phùng Văn D, bên vay anh Phùng Văn D1 và vợ chị Đặng Hồng G, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng, ký bên cho vay ông Phùng Văn D, bên vay anh Phùng Văn D1, người làm chứng chị Phùng Thị N.

[9] Cả ba hợp đồng vay tài sản đều thể hiện anh D1, chị G là bên vay tiền nhưng chỉ có anh D1 là người ký bên vay tiền, còn không có chữ ký của chị Đặng Hồng G và hợp đồng không thể hiện lãi suất. Theo anh D1 trình bày do anh là chủ gia đình nên anh tự quyết định toàn bộ việc vay mượn, anh không nói với chị G về việc ký các hợp đồng vay tiền với ông D1.

[10] Nội dung 03 hợp đồng thể hiện ông Phùng Văn D cho anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G vay với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông D, anh D1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phía nguyên đơn gồm vợ và các con của ông D đều khẳng định số tiền vay thể hiện trên 03 hợp đồng là số tiền của ông D, bà N chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10 của ông bà cho vợ chồng anh Luận Văn L có được đã cho vợ chồng anh D1, chị G vay để trả các khoản nợ chung của anh chị. Ông D, bà N, anh D1 đều trình bày, việc ký kết hợp đồng đều được thực hiện sau mỗi lần anh Luận Văn L giao tiền cho vợ chồng anh D1, chị G để đảm bảo anh chị sẽ thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay. Anh L đã thực hiện việc giao tiền cho anh D1, chị G tổng là 03 lần mỗi lần đều vào buổi sáng các ngày 14/02/2022, 22/02/2022, 08/3/2022 và số tiền đều đúng với số tiền trong hợp đồng vay tài sản giữa ông D với anh D1 thực hiện vào các buổi chiều cùng ngày.

[11] Khi anh L giao tiền cho anh D1, chị G, không lập giấy biên nhận hay bất kỳ giấy tờ gì khác và cũng không có ai được chứng kiến việc giao tiền như nào. Theo anh L, anh D1 trình bày lần giao tiền ngày 14/02/2022 có vợ chồng anh L với anh D1, chị G; lần giao tiền ngày 22/02/2022 có anh D1 không có chị G nhưng anh L chỉ giao tiền mặt 750.000.000 đồng, còn chuyển khoản vào tài khoản chị G số tiền 150.000.000 đồng; lần giao tiền ngày 08/3/2022 anh L đã chuyển tiền vào tài khoản của anh D1 số tiền 1.000.000.000 đồng.

[12] Anh D1 có cung cấp cho Tòa án ảnh chụp anh L giao tiền, nhưng trong ảnh chỉ thể hiện có mình anh L đang cầm tiền, trước mặt có nhiều cọc tiền khác nhau, không có ai khác, cũng không thể hiện đó là việc giao hay nhận tiền.

[13] Việc anh L giao tiền cho anh D1, chị G theo anh L trình bày vào các ngày 14/02/2022, 22/02/2022, 08/3/2022 đều không có giấy tờ gì thể hiện là có việc thống nhất giao tiền để trả tiền chuyển nhượng đất thửa đất số 254 tờ bản đồ số 10, chỉ có 02 lần anh L chuyển tiền qua tài khoản của chị G và tài khoản của anh D1. Việc giao tiền chỉ anh D1 và anh L thừa nhận, còn chị G không thừa nhận được biết việc giao tiền như thế nào.

[14] Việc anh L, anh D1 trình bày có việc anh L chuyển tiền cho anh D1, chị G vào ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022, ngày 08/3/2022. Tuy nhiên, tại bản sao kê thể hiện anh L chuyển cho tài khoản chị Đặng Hồng G 150.000.000 đồng ngày 22/02/2022 nhưng không ghi rõ nội dung chuyển tiền là gì và chuyển vào tài khoản anh Phùng Văn D1 1.000.000.000 đồng ngày 08/3/2022 nội dung ghi là anh L trả tiền hàng cho anh D1; không có tài liệu gì để chứng minh số tiền anh L chuyển khoản là để thanh toán tiền mua thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 của ông D, bà N.

[15] Thấy rằng, thời điểm lập cả 03 hợp đồng vay tài sản đều thực hiện sau khi anh L giao, chuyển tiền cho vợ chồng anh D1. Như vậy, việc lập 03 hợp đồng trên là để hợp thức hóa khoản tiền 3.000.000.000 đồng ông D trình bày là của vợ chồng ông đã cho vợ chồng anh D1, chị G vay từ trước đó, trên thực tế ông D không được giao tiền cho anh D1, chị G theo 03 hợp đồng trên. Như vậy, 03 hợp đồng ngày 14/02/2022, ngày 22/02/2022 và ngày 08/3/2022 được lập một cách giả tạo.

[16] Đối với các Hợp đồng tín dụng nguyên đơn ông D và bị đơn anh D1 đưa ra, gồm có: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4154 ngày 09/3/2021 vay 1.000.000.000 đồng đến ngày 10/3/2022, mục đích để phát triển kinh doanh, hiện đều tắt toán xong.

[17] Chị G, anh D1 đều khẳng định anh chị có mở quán bán hàng vào năm 2019, ông D, bà N, anh D1 trình bày do quán bị dính dịch Covid nên không có thu nhập, chị G cung cấp cho Tòa án bảng kê khai chi tiết doanh thu hàng tháng của nhà hàng, thể hiện nhà hàng vẫn hoạt động và có thu nhập.

[18] Ông D, bà N, anh D1 và những người làm chứng chị Phùng Thị T, Phùng Thị N, Phùng Văn D2 đều khẳng định ông D, bà N cho anh D1, chị G mượn đất để bán cho anh L với giá 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, không có bất kỳ giấy tờ nào thể hiện hai bên thống nhất giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 là 3.000.000.000 đồng.

[19] Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu tại Chi cục Thuế, thấy rằng trong kê khai nộp thuế thể hiện giá trị chuyển nhượng bao gồm cả đất và tài sản trên thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 là 250.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh L cũng khẳng định số tiền mua đất bao gồm cả đất và các tài sản trên đất, khi anh nhận chuyển nhượng trên đất có nhà quán của anh D1, chị G xây dựng để làm quán lẩu nướng.

[20] Đối với việc ông D cho rằng tiền ông cho vợ chồng anh D1 vay chính là tiền anh L chuyển cho anh D1, chị G nhưng trong ba lần chuyển tiền đều không thể hiện rõ là chuyển tiền mua đất của ông bà, ngoài lời trình bày của đương sự và

những người làm chứng đều có quan hệ ruột thịt, họ hàng thì ông D không đưa ra được bất kỳ tài liệu gì chứng minh giữa ông và anh D1, chị G có thỏa thuận cho mượn thửa đất 254 tờ bản đồ số 10 để bán lấy tiền trả nợ nên không có cơ sở để xem xét các trình bày của ông.

[21] Ông D, anh D1, anh L, bà N cho rằng anh L chuyển tiền cho anh D1, chị G là tiền anh L nhận chuyển nhượng đất, ông D, bà N cho anh D1, chị G đứng ra làm các thủ tục chuyển nhượng nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ thể hiện bên chuyển nhượng là ông D, bà N, bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng anh L, chị H. Ngoài hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã S, ông D không cung cấp thêm được tài liệu gì khác để chứng minh có việc cho anh D1, chị G đứng ra làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh L nên không có cơ sở xem xét.

[22] Các chứng cứ ông D, anh D1 đưa ra đều không thể hiện rõ giữa ông D với anh D1, chị G có việc vay tiền để trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh D1 chị G hay không. Ba hợp đồng vay tài sản ông D1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đều không có chữ ký của chị G.

[23] Anh D1, chị G hiện đã ly hôn theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, quá trình giải quyết ly hôn anh chị không có yêu cầu giải quyết về nợ chung. Nếu xác định được anh chị nợ ông D thì cùng phải có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, các ý kiến của anh D1, ông D đưa ra đều chưa đủ cơ sở để xem xét việc vay tiền trong 03 hợp đồng liên quan đến việc giải quyết các vấn đề nợ chung của anh D1, chị G. Mà toàn bộ 03 hợp đồng chỉ thể hiện có chữ ký của anh Phùng Văn D1 là bên vay tiền. Do đó, anh D1 sẽ phải có trách nhiệm trả nợ đối với ông Phùng Văn D.

[24] Những người làm chứng trong vụ án đều có quan hệ thân thích với nhau là các con, cháu họ của nguyên đơn ông Phùng Văn D, anh em ruột, anh em họ của bị đơn anh Phùng Văn D1 và mẹ đẻ của bị đơn chị Đặng Hồng G. Tại phiên tòa, người làm chứng chị Phùng Thị N đã trình bày có sự mâu thuẫn về việc chuẩn bị các hợp đồng vay tài sản, ban đầu chị trình bày hợp đồng bố chị bảo đi lấy mẫu nhưng sau đó lại trình bày chị đến Văn phòng Luật sư nhờ làm giúp.

[25] Đối với các hợp đồng tín dụng của anh D1, chị G đứng ra vay tại Ngân hàng H, chi nhánh Lạng Sơn, Phòng Giao dịch H, hiện nay các hợp đồng đều được tắt toán. Cụ thể:

[26] Hợp đồng tín dụng số: 12923/19/MB/HĐTD ngày 07/11/2019, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Phùng Văn D, ngày 01/3/2021 chị Đặng Hồng G đã tắt toán khoản vay.

[27] Hợp đồng tín dụng số: 18136/MB/HĐTD ngày 06/8/2021, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G. Chị Đặng Hồng G tắt toán khoản vay ngày 01/3/2022 và bà Nguyễn Thị N là người nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[28] Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 4154/21MB/HĐTD ngày 09/3/2021 chủ khoản vay anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G, vay vốn mục đích để sản xuất kinh doanh, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G. Anh D1 và chị G cùng tất toán khoản vay và nhận lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/3/2022.

[29] Các hợp đồng đều thể hiện anh D1, chị G đã tất toán xong, đối với việc cho rằng vay số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 10/3/2022 để chị G, anh D1 tất toán vào ngày 10/3/2022. Anh L đã chuyển tiền vào tài khoản của anh D1, anh D1 đã dùng để thanh toán tiền nợ nhưng không đủ cơ sở để xác định việc chuyển 1.000.000.000 đồng là tiền mua mặt hàng gì, hay là tiền mua đất của ông D bà N hay là tiền gì nên không đủ cơ sở để xem xét.

[30] Ngoài việc tất toán các khoản vay của mình trong thời kỳ hôn nhân, chị G còn là người tất toán đối với Hợp đồng tín dụng số: 18136/MB/HĐTD ngày 06/8/2021, chủ khoản vay bà Nguyễn Thị N và ông Phùng Văn D, mục đích vay vốn để sản xuất kinh doanh, tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị N, chị Đặng Hồng G là người tất toán khoản vay ngày 01/3/2022, bà Nguyễn Thị N là người nhận lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[31] Từ những nhận định trên, thấy rằng, các hợp đồng vay tài sản là tiền các ngày 14/02/2022, 22/02/2022 và 08/3/2022 giữa ông D với anh D1 sẽ vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 117 và Điều 124 Bộ luật Dân sự. Thời điểm giao kết hợp đồng theo ông D, anh D1, chị Ngà và bà N đều trình bày là buổi chiều các ngày 14/02/2022, 22/02/2022 và 08/3/2022 còn các giao dịch nhận tiền giữa diễn ra vào buổi sáng cùng ngày. Theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong cả 03 hợp đồng trên đều xác định hiệu lực của hợp đồng là kể từ ngày ký và không có nội dung thỏa thuận nào liên quan đến các giao dịch giữa vợ chồng anh D1 với vợ chồng anh L đã thực hiện nên không có căn cứ nhận định các hợp đồng này có hiệu lực với các giao dịch giao nhận tiền trước đó.

[32] Do đó, việc ông Phùng Văn D khởi kiện yêu cầu anh Phùng Văn D1, chị Đặng Hồng G phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ 3.000.000.000 đồng theo 03 hợp đồng vay tài sản các ngày 14/02/2022, 22/02/2022, 08/3/2022 là không có cơ sở để chấp nhận.

[33] Về án phí: Căn cứ theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQGH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của của ông D không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, ông là người cao tuổi, ông có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết trên.

[34] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ

thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[35] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 146, 147, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 117, 124, 401 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn D về việc buộc anh Phùng Văn D1 và chị Đặng Hồng G có trách nhiệm liên đới trả số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

2. Về án phí: Ông Phùng Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vì là người cao tuổi.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
 - VKSND huyện Hữu Lũng;
 - Chi cục THADS huyện
- H;
- Các đương sự:;
 - Lưu: Tòa, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Xuân Lê Tiến Dũng

Hoàng Thị Tuyết